

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-ST
Ngày: 21 - 01 - 2020
V/v Tranh chấp hợp đồng
cấp tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Út.
2. Ông Phan Văn Huy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 21 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2019/TLST - DS ngày 07 tháng 8 năm 2019, về tranh chấp hợp đồng dân sự cấp tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2019/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2019/QĐST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng C.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Số 169, phố L, phường Ht, Quận H, Thành phố Hà Nội; là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hùng C, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C thành phố P.

Địa chỉ: Đường Chiêu Anh Các, khu phố N, phường B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Theo Quyết định ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019.

Người đại diện hợp pháp của người đại diện theo ủy quyền: Ông Quách Hạo H, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C thành phố P.

Địa chỉ: Đường Chiêu Anh Các, khu phố N, phường B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Theo Quyết định ủy quyền số 201/QĐ-NHCS ngày 04/10/2019 (có mặt).

2. *Bị đơn*: Bà Phạm Thị Bích K, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 6, khu phố B, phường Đ, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Chiêm Minh Đ, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Tổ 6, khu phố B, phường Đ, thành phố p, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/7/2019 và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Quách Hạo H trình bày: Ngày 23/6/2015 Ngân hàng C cho bà Phạm Thị Bích K cùng chồng bà K là ông Chiêm Minh Đ vay tín chấp theo chương trình hộ cận nghèo số tiền gốc là 40.000.000 đồng; lãi suất trong hạn 7,92%/năm; lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn. Thời hạn cho vay trung hạn 03 năm; trả nợ gốc định kỳ 01 năm 01 lần; đến hạn ngày 20/6/2018; lãi trả hàng tháng theo dư nợ gốc thực tế. Sau khi giải ngân bà K trả nợ gốc được 3.141.732 đồng và trả lãi trong hạn đến hết ngày 20/6/2018 số tiền 8.554.925 đồng; Ngày 20/6/2018 Ngân hàng chuyển nợ gốc còn lại 36.858.268 đồng sang nợ quá hạn. Tính từ ngày 21/6/2018 đến hết ngày 21/01/2020 bà K và ông Đ còn nợ Ngân hàng C tổng số tiền 43.930.247 đồng; trong đó: Nợ gốc 36.858.268 đồng và lãi quá hạn 7.071.979 đồng.

Đại diện của Ngân hàng C yêu cầu bà Phạm Thị Bích K và ông Chiêm Minh Đ liên đới trả cho Ngân hàng C tổng số nợ là 43.930.247 đồng; trong đó: Nợ gốc 36.858.268 đồng và lãi quá hạn 7.071.979 đồng. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai (bút lục 22 và 23) bà Phạm Thị Bích K và ông Chiêm Minh Đ trình bày: Vay vốn còn nợ Ngân hàng C số tiền 36.858.268 đồng, vì hoàn cảnh làm ăn thất bại không có điều kiện trả; xin trả hàng tháng 1.000.000 đồng.

Tại phiếu yêu cầu xác minh ngày 21/8/2019 ông Đỗ Văn Th cung cấp cho biết: Bà Phạm Thị Bích K và ông Chiêm Minh Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 6, khu phố B, phường Đ, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Bà K và ông Đ đã đi khỏi nơi cư trú từ năm 2017 và không có trình báo chính quyền địa phương. Hiện tại không biết bà K và ông Đ ở đâu.

Tại biên bản xác minh ngày 20/01/2020 ông Ngô Hoàng S cung cấp cho biết: Đương sự Phạm Thị Bích K và Chiêm Minh Đ không có đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú tại ấp G, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Hiện nay không biết đương sự K và Đ đi đâu, làm gì.

Đại diện nguyên đơn ông Quách Hạo H có ý kiến tranh luận: Tôi yêu cầu Tòa án buộc bà K và ông Đ liên đới trả cho Ngân hàng C số nợ gốc và lãi suất như đã trình bày nói trên, vì ông bà đã vi phạm hợp đồng vay vốn.

Bị đơn bà Phạm Thị Bích K và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chiêm Minh Đ vắng mặt: (không có ý kiến thể hiện việc tranh luận).

Ý kiến của Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đại diện nguyên đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C đối với bà Phạm Thị Bích K và người liên đới ông Chiêm Minh Đ. Buộc bà K và ông Đ liên đới trả cho Ngân hàng C tổng số tiền là 43.930.247 đồng; trong đó nợ gốc là 36.858.268 đồng và lãi quá hạn là 7.071.979 đồng. Buộc bà K và ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giao dịch do Ngân hàng C đối với bà Phạm Thị Bích K xác lập từ việc vay tiền. Phát sinh tranh chấp trên địa bàn thành phố Hà Tiên, nơi bị đơn là bà Phạm Thị Bích K cư trú, nên xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự cấp tín dụng. Thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên thụ lý giải quyết được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Việc tranh chấp sau khi được Tòa án thụ lý giải quyết đã tiến hành các trình tự về thủ tục tố tụng; mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, do bị đơn bà Phạm Thị Bích K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chiêm Minh Đ được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt, nên việc hòa giải không tiến hành được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; đồng thời, Tòa án thông báo kết quả phiên họp cho bà K và ông Đ biết theo quy định tại khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Đảm bảo sự có mặt tham gia xét xử của đại diện Viện kiểm sát và trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm. Không xem xét yêu cầu phản tố; yêu cầu độc lập do bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu.

[3] Việc bị đơn bà Phạm Thị Bích K và ông Chiêm Minh Đ được triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà K và ông Đ tại phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét việc vay nợ là do hai bên tự nguyện thỏa thuận xác lập hợp đồng với đối tượng vay là tiền đồng Việt Nam được phép giao dịch trên thị trường; hình thức hợp đồng bằng văn bản; thỏa thuận về thời hạn trả nợ gốc và lãi suất; phù hợp với những quy định tại điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; sửa đổi, bổ sung năm 2017, có hiệu lực thi hành ngày 15/01/2018; các điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Quan hệ pháp luật tranh chấp chính trong vụ án là do bà Phạm Thị Bích K không trả được nợ gốc khi đến kỳ hạn trả nợ. Tại Hợp đồng tín dụng ngày 23/6/2015 được giao kết giữa Ngân hàng C và bà Phạm Thị Bích K; Ngân hàng đã đồng ý cho bà Phạm Thị Bích K cùng chồng bà K là ông Chiêm Minh Đ vay số tiền gốc 40.000.000 đồng và thỏa thuận các khoản lãi suất trong hạn và quá hạn. Tính đến hết ngày 21/01/2020 bà K và ông Đ còn nợ Ngân hàng C tổng số tiền 43.930.247 đồng; trong đó: Nợ gốc 36.858.268 đồng và lãi quá hạn 7.071.979 đồng.

Tại khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; sửa đổi, bổ sung năm 2017, có hiệu lực thi hành ngày 15/01/2018 quy định: “Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật.”. Tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 quy định “Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự” và tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;...”. Như vậy, Ngân hàng C quyết định việc khởi kiện bà Phạm Thị Bích K do vi phạm hợp đồng tín dụng; không trả được nợ vay khi đến kỳ hạn trả nợ là hoàn toàn đúng với các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nghị cần buộc bà Phạm Thị Bích K cùng chồng bà K là ông Chiêm Minh Đ liên đới có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C nợ gốc và lãi suất quá hạn theo hợp đồng tín dụng đã giao kết thì mới đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

[6] Về án phí: Bà Phạm Thị Bích K và ông Chiêm Minh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch đối với giá trị tài sản có tranh chấp là 2.197.000 đồng (43.930.247 đồng x 5% = 2.197.000 đồng).

Không phải giải quyết trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho Ngân hàng C do không phải nộp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điều 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng cấp tín dụng giữa Ngân hàng C đối với bà Phạm Thị Bích K và người có liên quan ông Chiêm Minh Đ.

Buộc bà Phạm Thị Bích K và ông Chiêm Minh Đ liên đới trả cho Ngân hàng C tổng số tiền là 43.930.247 đồng (Bốn mươi ba triệu, chín trăm ba mươi nghìn, hai trăm bốn mươi bảy đồng); trong đó: nợ gốc là 36.858.268 đồng và lãi quá hạn 7.071.979 đồng.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạm vi phạm.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Phạm Thị Bích K và ông Chiêm Minh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.197.000 đồng (Hai triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Không phải giải quyết trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho Ngân hàng C do không phải nộp.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Hà Tiên;
- Chi cục thi hành án dân sự TP. Hà Tiên;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Văn Vân